

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN BÀN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Nghĩa .

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Duy Bình và ông Vũ Bách Khanh;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2021/TLST- HNGĐ ngày 05/7/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T - Sinh năm 1997.

ĐKHKTT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ tạm trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có lý do.

- Người làm chứng: Chị La Thị L - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn C tìm hiểu yêu thương

nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2014 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế. Anh C thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con, không chăm lo làm ăn lo cho gia đình, hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào giữa năm 2018 vợ chồng tiếp tục cãi nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã T sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị Hà Thị T xác định chị và anh Trần Văn C có 01 con chung là cháu Trần Quang H - Sinh ngày 25/6/2014, cháu đang sống cùng anh C. Khi ly hôn chị T đề nghị giao cháu H cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 400.000đ/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản và vay nợ: Chị T xác định hai vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng nào và không cho ai vay nợ, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Trần Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh đều vắng mặt, không tham gia hòa giải. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 08/9/2021 anh Trần Văn C cũng trình bày cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do không hiểu nhau. Khoảng cuối năm 2017 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh, anh nhất trí. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quang H. Với mức thu nhập của anh hiện nay là 5.300.000đ/tháng, nên đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cháu Hải. Anh cũng nhất trí chị T cấp dưỡng với mức 400.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của cháu Trần Quang H trình bày: Hiện cháu đang học tại Trường tiểu học xã H. Bố mẹ cháu đã không ở cùng nhà nhiều năm nay. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở cùng bố Trần Văn C, vì cháu đã ở cùng với bố từ nhỏ, được bố chăm sóc tốt hơn, còn mẹ cháu thì không ở cùng nhà.

Người làm chứng và chính quyền địa phương: Đều xác định vợ chồng chị T và anh C xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay, anh chị đã sống ly thân, anh C sinh sống tại xã H, chị T về xã T sống.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Hà Thị T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Trần Quang H, sinh ngày 25/6/2014 cho anh Trần Văn C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Hà Thị T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 400.000đ/tháng, cho đến khi cháu Trần Quang H trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, bị đơn anh Trần Văn C cư trú tại Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án để giải quyết, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Đến ngày 08/9/2021 anh C mới cung cấp tài liệu chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn chị Hà Thị T, bị đơn anh Trần Văn C, người làm chứng, kết quả xác minh tại UBND xã H có đủ

căn cứ xác định: Chị T và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2014 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, trong cuộc sống gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh C cũng nhất trí ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu giải quyết cho vợ chồng được ly hôn của chị T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, với mức thu nhập hiện nay của anh C đảm bảo điều kiện về vật chất để nuôi dạy cháu H. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu H vẫn sống cùng anh C, do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu H vẫn được đảm bảo. Cháu H có nguyện vọng được sống cùng anh C khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cho cháu H, tránh sự thay đổi xáo trộn trong cuộc sống của cháu, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và quy định của pháp luật, giao cháu H cho anh C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T có tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 400.000đ/ tháng do mức thu nhập của chị hiện nay là 2.000.000đ/ tháng. Anh C nhất trí mức cấp dưỡng chị T đề nghị. Vì vậy cần ghi nhận mức cấp dưỡng 400.000đ/ tháng như đề nghị của nguyên đơn.

[5] Về tài sản, vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 229; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C;

- Về con chung: Giao cháu Trần Quang H - Sinh ngày 25/6/2014 cho anh Trần Văn C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Quang H đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo định kỳ là 400.000<sup>d</sup> (Bốn trăm nghìn đồng)/ tháng. Cho đến khi cháu Trần Quang H đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 600.000<sup>d</sup> (Sáu trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004167 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. Chị Hà Thị T còn phải nộp số tiền là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã H (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Nghĩa**

